

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2401**/UBND-KT

Bắc Kạn, ngày **28** tháng 12 năm 2018

V/v báo cáo kết quả thực hiện  
Chương trình “Mở rộng quy mô vệ  
sinh và nước sạch nông thôn dựa  
trên kết quả” năm 2018

Kính gửi: Ban Điều phối Chương trình cấp nước nông thôn - Tổng cục Thủy lợi

Thực hiện Công văn số 1702/TCTL-NN ngày 16/11/2018 của Tổng cục Thủy lợi về việc báo cáo kết quả thực hiện Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả tại 21 tỉnh năm 2018. UBND tỉnh Bắc Kạn tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả tỉnh Bắc Kạn năm 2018 như sau:

1. DLI 1.1 Kế hoạch Truyền thông Thay đổi Hành vi đã phê duyệt được thực hiện ở tỉnh: 01 kế hoạch được thực hiện.
2. DLI 1.2 Số Xã mới đạt được Vệ sinh toàn xã: 6/15 xã.
3. DLI 1.3 Số Đầu nối Cấp nước tới hộ gia đình được cải tạo hay mới xây dựng đang hoạt động: 6.446 đầu nối.
4. DLI 3.1 Số Kế hoạch và Báo cáo Chương trình hàng năm được công bố công khai: 01 kế hoạch và 01 báo cáo.
5. DLI 3.2 Số Kế hoạch Phát triển Năng Lực Hàng năm đã phê duyệt được thực hiện: 01 kế hoạch được thực hiện.

*(Có bảng số liệu chi tiết kèm theo)*

Với nội dung trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn báo cáo Ban Điều phối Chương trình cấp nước nông thôn./.

**Nơi nhận:**

**Gửi bản giấy:**

- Như trên;

**Gửi bản điện tử:**

- CT, PCT UBND tỉnh (Bà Hoa);
- Các Sở: NN&PTNT; GD&ĐT; Y tế; KHĐT; Tài chính;
- TT Nước sạch & VSMTNT tỉnh;
- TT Kiểm soát bệnh tật tỉnh;
- LĐVP (Ô. Thát);
- Lưu: VT, Hoàn.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**ĐỖ THỊ MINH HOA**



**Đỗ Thị Minh Hoa**



# BÁO CÁO CHƯƠNG TRÌNH CỦA TỈNH

TỈNH BẮC KẠN

GIẢI ĐOẠN CHƯƠNG TRÌNH: NĂM 2018

(Kèm theo Công văn số ~~7401~~ 7401/UBND-KT ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

## I. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CHỈ SỐ GIẢI NGÂN

BẢNG I-1: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CHỈ SỐ GIẢI NGÂN CỦA TỈNH		
DLI	Mục tiêu	Kết quả đạt được
DLI 1.1 Kế hoạch Truyền thông Thay đổi Hành vi đã phê duyệt được thực hiện ở tỉnh	01	01
DLI 1.2 Số Xã mới đạt được Vệ sinh toàn xã	15	6
DLI 1.3 Số Đầu nói Cấp nước tới hộ gia đình được cải tạo hay mới xây dựng đang hoạt động	6.446	6.446
DLI 2.1 Số hộ gia đình trong Tỉnh có Hệ thống Nước Bền vững	0	0
DLI 2.2 Số Xã đã đạt được tình trạng Vệ sinh Toàn xã cách đây 2 năm dương lịch, nơi tất cả các mẫu giáo, trường tiểu học và trung học và trung tâm y tế duy trì được Tình trạng Vệ sinh	0	0
DLI 3.1 Số Kế hoạch và Báo cáo Chương trình hàng năm được công bố công khai	02	02
DLI 3.2 Số Kế hoạch Phát triển Năng Lực Hàng năm đã phê duyệt được thực hiện	01	01

<b>BẢNG I-2: TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN CHỈ SỐ GIẢI NGÂN 1.1</b>		
	<b>Mục tiêu</b>	<b>Kết quả đạt được</b>
DLI 1.1. Kế hoạch Truyền thông Thay đổi Hành vi đã phê duyệt được thực hiện ở tỉnh: Liệt kê các hoạt động được thực hiện theo kế hoạch BCC		
<b>NGÀNH Y TẾ</b>		
<b>Hoạt động cấp tỉnh</b>		
- Hoạt động 1: Hội nghị triển khai cấp tỉnh	01	01 hội nghị/34 đại biểu, ngày 25/9/2018, nam: 25, nữ: 09, dân tộc 29/34.
- Hoạt động 2: Tập huấn cho cán bộ tỉnh, huyện	01	01 lớp/25 học viên, ngày 29-31/10/2018, nữ: 12, nam: 13, dân tộc 24/25
- Hoạt động 3: Truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng	Phát sóng: 02 Viết tin/bài: 02	Thực hiện 02 phóng sự truyền hình phát sóng Đài PT và TH tỉnh (tháng 7 và tháng 12); Đăng 02 bài trên Bản tin Y tế Bắc Kạn số 86/2018 Phát sóng trên truyền hình kênh TBK Sóng phát thanh: FM 102.1 (Có BC TT của T4G làm HSMC)
- Hoạt động 4: Tập huấn cho cán bộ xã và TTV về vệ sinh	5	1. Huyện Na Rỳ: 01 lớp, tổng 40 học viên; nữ 15, nam 25, dân tộc 39, thực hiện từ 05-07/11/2018, 2. Huyện Ba Bè: 01 lớp, tổng 21 học viên, nữ 11, nam 10, dân tộc 19, thực hiện từ 08-10/11/2018 3. Huyện Ngân Sơn: 01 lớp, tổng 48 học viên; nữ 19; nam 29; dân tộc 44, thực hiện từ 11-13/11/2018

		<p>4. Huyện Chợ Đồn: 01 lớp, 20 học viên, nữ 13, nam 07, dân tộc 20, thực hiện từ 15-17/11/2018</p> <p>5. Huyện Chợ Mới: 01 lớp, tổng 39 học viên, nữ 24, nam 15, dân tộc 39, thực hiện từ ngày 18-20/11/2018</p>
<p>- Hoạt động 5: Thành lập cửa hàng tiện ích (rà soát, lựa chọn)</p>	5	<p>1. Huyện Ba Bể: Cửa hàng Ông Triệu Xuân Trường, Kinh doanh gạch xi (gạch xi măng), địa chỉ xã Mỹ Phương – huyện Ba Bể, điện thoại 01678916411</p> <p>2. Huyện Ngân Sơn: Cửa Hàng vật liệu xây dựng Thanh Lâm, kinh doanh Ông bi bê tông; Bê xi, gạch lát, Gạch xi măng, địa chỉ Khu phố xã Vân Tùng, điện thoại 2093874107</p> <p>3. Huyện Bạch Thông: Cửa Hàng Duy Hưng: Kinh doanh: Bê Xi, ống nhựa, gạch lát, Địa chỉ: Xã Cẩm Giàng huyện Bạch Thông; ĐT 0968653841</p> <p>4. Huyện Na Rỳ: Doanh nghiệp tư nhân Khau An, kinh doanh vật liệu xây dựng, xi măng sắt thép, địa chỉ Thôn Khau An Cư lễ Na Rì, điện thoại 0915 201 912</p> <p>5. Huyện Chợ Mới: Cửa Hàng ông Nguyễn Tiến Sĩ, kinh doanh gạch xi (gạch xi măng) xã Thanh Bình – huyện Chợ Mới. Điện thoại 0386004074</p>
<p>- Hoạt động 6: Giám sát chất lượng nước theo quy chuẩn</p>	15	<p>Kết quả: Đánh giá chất lượng nước sử dụng TTYT xã theo quy chuẩn QCVN 02: 2009/BYT và theo hướng dẫn của số tay thực hiện Chương trình: 15 mẫu tại Trạm Y tế các xã: Vân Tùng;Thương quan; Cư Lễ; Hữu Thác; Nam Cường; Như Cố; Nông Hạ; Nông Thịnh; Lăng Ngâm; Mỹ Phương; Khang Ninh; Hà Hiệu; Dương Phong; Mỹ Thanh; Bành Trach. Thực hiện từ ngày 05-15/12/2018.</p>
<p>- Hoạt động 7: Làm áp phích cho các xã</p>		<p>Kết quả: Treo 08 áp phích tại các xã mới thực hiện năm 2018 gồm: Vân Tùng ;Thương quan; Cư Lễ; Hữu Thác; Nam Cường; Như Cố; Nông Hạ; Bành Trach. Thực hiện bàn giao sử dụng: Từ ngày 01-15/12/2018.</p>

- Hoạt động 8: Giám sát chương trình	15	Mỗi xã 01 lượt: tổng 15 lượt = 15 xã
- Hoạt động 9: Phối hợp kiểm đếm các xã VSTX năm 2017	04	Gồm xã: Khang Ninh, Mỹ Phương, Hà Hiệu (huyện Ba Bè); xã Cẩm Giang (huyện Bạch Thông) Từ ngày 26-30/5/2018
- Hoạt động 10: Hoạt động báo cáo	01	Báo cáo hoạt động truyền thông theo Kế hoạch bao gồm đầy đủ các hoạt động triển khai từ cấp tỉnh, huyện, xã tồn theo quy định.
<b>Hoạt động cấp huyện</b>		
- Hoạt động 11: hội nghị cấp huyện	05 cuộc	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Huyện Na Rì: 01 cuộc; Tổng số đại biểu: 15, nữ 8, nam 7, dân tộc 10, thực hiện ngày 10/10/2018.</li> <li>2. Huyện Ba Bè: 01 cuộc; Tổng số đại biểu: 10, nữ 4, nam 6, dân tộc 10, thực hiện ngày 12/10/2018.</li> <li>3. Huyện Ngân Sơn: 01 cuộc; Tổng số đại biểu: 12, nữ 7, nam 5, dân tộc 12, thực hiện ngày 22/10/2018.</li> <li>4. Huyện Chợ Đồn: 01 cuộc; Tổng số đại biểu 10, nữ 02, nam 08, dân tộc 10, thực hiện ngày 06/11/2018.</li> <li>5. Huyện Chợ Mới: 01 cuộc Tổng số đại biểu 12, nữ 06, nam 06, dân tộc 10, thực hiện ngày 09/11/2018.</li> </ol>
- Hoạt động 12: Tập huấn cho cộng tác viên, thợ xây	05 lớp	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Huyện Na Rì: 01 lớp, tổng 29 học viên; nữ 12, nam 17, dân tộc 25, thực hiện từ 21-23/11/2018.</li> <li>2. Huyện Ba Bè: 01 lớp, tổng 18 học viên, nữ 9, nam 9, dân tộc 18, thực hiện từ 29-30/11/2018.</li> </ol>

		<p>3. Huyện Ngân Sơn: 01 lớp, tổng 38 học viên; nữ 14; nam 24; dân tộc 33, thực hiện từ 21-23/11/2018.</p> <p>4. Huyện Chợ Đồn: 01 lớp, tổng 16 học viên, nữ 07, nam 07, dân tộc 16, thực hiện từ 28-30/11/2018.</p> <p>5. Huyện Chợ Mới: 01 lớp, tổng 29 học viên, nữ 18, nam 11, dân tộc 22, thực hiện từ ngày 25-27/11/2018.</p>
<b>Hoạt động cấp xã</b>		
<p>- Hoạt động 13: Họp triển khai cấp xã</p>	<p>08 cuộc</p>	<p>1. Xã Cư Lễ: 01 cuộc, tổng số người tham gia: 34, số lượng nam 20, nữ 14, dân tộc 30, thời gian thực hiện: 01/10/2018.</p> <p>2. Xã Hữu Thác: 01 cuộc, tổng số người tham gia: 30, số lượng nam 21, nữ 09, dân tộc 27, thời gian thực hiện: 19/10/2018.</p> <p>3. Xã Bành Trạch: 01 cuộc, tổng số người tham gia: 33 số lượng nam 21, nữ 12, dân tộc 33, thời gian thực hiện: 08/11/2018.</p> <p>4. Xã Vân Tùng 01 cuộc, tổng số người tham gia: 33, số lượng nam 23, nữ 10, dân tộc 30, thời gian thực hiện 06/11/2018.</p> <p>5. Xã Thượng Quan: 01 cuộc, tổng số người tham gia 51, số lượng nam 31, nữ 20, dân tộc 51, thời gian thực hiện ngày 08/11/2018.</p>

<p>6. Xã Nam Cường: 01 cuộc, tổng số người tham gia 29, số lượng nam 16, nữ 13, dân tộc 27, thời gian thực hiện ngày 14/11/2018.</p> <p>7. Xã Như Cỏ: 01 cuộc, tổng số người tham gia 29, số lượng nam 14, nữ 15, dân tộc 24, thời gian thực hiện ngày 21/11/2018.</p> <p>8. Xã Nông Hạ: 01 cuộc, tổng số người tham gia 37, số lượng nam 19, nữ 18, dân tộc 30, thời gian thực hiện ngày 16/11/2018.</p>		
<p>Tổng 15 bản cam kết ( 2017 + 2018), gồm các xã: Vân Tùng; Thượng quan; Cư Lễ; Hữu Thác; Nam Cường; Như Cỏ, Nông Hạ; Nông Thịnh; Lãng Ngâm; Mỹ Phương; Khang Ninh; Hà Hiệu; Dương Phong; Mỹ Thanh; Bành Trạch.</p>	8	- Hoạt động 14: Cam kết để đạt VSTX.
<p>Áp phích được treo tại Trạm Y tế các xã : Bành Trạch (Ba Bè); Như Cỏ, Nông Hạ (Chợ Mới ); Hữu Thác, Cư Lễ (Na Ri); Nam Cường (Chợ Đồn); Thượng Quan, Vân Tùng (Ngân Sơn).</p>	08 xã	- Hoạt động 15: + Treo áp phích
<p>Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh đã ký hợp đồng với phối hợp với Đài phát thanh truyền hình tỉnh phát thanh qua hệ thống phát thanh ĐTH tỉnh đến huyện, xã. Nội dung tuyên truyền: Thực hiện chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả.</p>		+ Phát thanh qua loa



<b>Hoạt động cấp thôn</b>		
- Hoạt động 16: Làm bản đồ thôn	09 xã	130 bản đồ tại các xã: Phúc Lộc 19 bản đồ, Bành Trạch 13 (huyện Ba Bể); Như Cốt 11, Nông Hạ 15(huyện Chợ Mới); Hữu Thác 12, Cự Lễ 14 (huyện Na Rì); Nam Cường 11 (huyện Chợ Đồn); Thượng Quan 22, Vân Tùng 13 (huyện Ngân Sơn).
- Hoạt động 17: Hợp Thôn	326	Xã Vân Tùng (26 cuộc), xã Thượng Quan (44 cuộc); xã Cự Lễ (28 cuộc); xã Hữu Thác (24 cuộc); xã Nam Cường (22 cuộc); xã Như Cốt (22 cuộc); xã Nông Hạ (30 cuộc); xã Nông Thịnh (07 cuộc); xã Lăng Ngâm (13 cuộc); xã Mỹ Phương (17cuộc); xã Khang Ninh (14 cuộc); xã Hà Hiệu 15 cuộc); xã Dương Phong (10 cuộc); xã Mỹ Thanh (09 cuộc); xã Bành Trạch (26 cuộc). Tổng: 326 cuộc.
- Hoạt động 18: Thăm hộ gia đình	510	1. Xã Cự Lễ: 84 lượt thăm: 42 hộ. 2. Xã Hữu Thác: 72 lượt thăm, 36 hộ. 3. Xã Bành Trạch: 65 lượt, 80 hộ. 4. Xã Vân Tùng: 65 lượt, 25 hộ. 5. Xã Thượng Quan: 110 lượt, 86 hộ. 6. Xã Nam Cường: 55 lượt, 30 hộ. 7. Xã Như Cốt: 55 lượt thăm, 25 hộ. 8. Xã Nông Hạ: 70 lượt thăm, 30 hộ. Tổng: 354 hộ.

<b>NGÀNH GIÁO DỤC</b>		
<p>Hoạt động 1: Hội nghị triển khai Chương trình vệ sinh và nước sạch trong trường học (HN cấp tỉnh)</p>	<p>Tổ chức 01 hội nghị cấp tỉnh</p>	<p>Tổ chức 01 Hội nghị ngày 22/10/2018;            Tổng số 41 đại biểu tham dự;            Số lượng học viên nữ: 21; nam: 20; dân tộc thiểu số 35/41.            Thành phần gồm: Ban GD Sở Giáo dục và Đào tạo, các phòng chuyên môn thuộc Sở: 09, Phòng GD&amp;ĐT: 27, TTKSBT tỉnh: 01, BTC, BCV: 05.</p>
<p>Hoạt động 2: Tập huấn nâng cao năng lực truyền thông thay đổi hành vi về vệ sinh trường học (tập huấn TOT)</p>	<p>Tổ chức 01 lớp tập huấn TOT</p>	<p>Tổ chức: 01 lớp tập huấn từ ngày 27 đến ngày 28/10/2018;            Tổng số 77 đại biểu tham dự;            Số lượng học viên nữ: 47; nam: 30; dân tộc thiểu số 70/77.            Thành phần gồm: Sở GD&amp;ĐT: 04, Phòng GD&amp;ĐT: 5 (01 đại biểu/1huyện), TTYT: 05 (01 đại biểu/1huyện); trường Mầm non: 16 đại biểu/08 trường (01 lãnh đạo trường, 01 giáo viên cốt cán), trường Tiểu học: 24 đại biểu/8trường (01 lãnh đạo, 01GV tổng phụ trách Đội, 01 NV y tế), trường THCS: 18 đại biểu/6trường (01 lãnh đạo, 01GV tổng phụ trách Đội, 01 NV y tế).</p>
<p>Hoạt động 3: Tập huấn nâng cao năng lực cho giáo viên các trường về truyền thông thay đổi hành vi về vệ sinh trường học (tập huấn cấp trường)</p>	<p>Tổ chức 22 lớp tập huấn</p>	<p>Tổ chức: 22 lớp tập huấn tại 22 trường thuộc xã đăng ký “vệ sinh toàn xã” từ ngày 21/11 đến ngày 01/12/2018; Tổng số 500 đại biểu tham dự (bao gồm BTC, BCV và toàn thể CB, giáo viên, nhân viên của 22 trường học).            Số lượng học viên nữ: 300; nam: 200; dân tộc thiểu số 480/500.</p>

<p>Hoạt động 4: Tổ chức các hoạt động truyền thông trong trường học nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi vệ sinh trường học cho học sinh các trường.</p>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyên truyền bộ truyền tranh về hành vi vệ sinh dành cho học sinh (04 chủ đề: Vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, rửa tay với xà phòng, đi vệ sinh đúng cách): 100% (22/22) trường học với hơn 4.600 học sinh các trường đều được tuyên truyền về bộ truyền tranh.</li> <li>- Hướng dẫn tổ chức một số hoạt động truyền thông về vệ sinh và rửa tay xà phòng cho học sinh:</li> <li>+ Học bài hát và điệu nhảy “Tay sạch bé ngoan”: 100% học sinh ở 22 trường được được học bài hát và điệu nhảy.</li> <li>+ Tổ chức cho học sinh một số trò chơi.</li> <li>+ Tổ chức ngày hội vệ sinh trường học: 22 trường tổ chức ngày hội vệ sinh trường học</li> <li>- Treo áp phích truyền thông: in 22 áp phích phát cho 22 trường học.</li> </ul>
---	--	---

BẢNG I-3: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN VỆ SINH TOÀN XÃ CỦA TỈNH (Chỉ số 1.2)										
Huyện	Xã	% HGD có nhà tiêu cải thiện	Tỷ lệ % HGD có điểm rửa tay XP	% Trường học có nước sạch và nhà tiêu HVS	Tổng số học sinh	% Trạm y tế có nước sạch và nhà tiêu HVS	Tổng số Hộ gia đình trong xã	Tổng số dân số của xã	% Hộ gia đình có chủ hộ là nữ	% Hộ gia đình là DTTS
Ba Bè	Xã Bành Trạch	57	80	70	612	100	729	3194	4.8	95.5
	Xã Mỹ Phương	Đạt 2017		70	650	100	948	3946	15,1	90
	Xã Khang Ninh	Đạt 2017		80	762	100	971	4282	11.2	99.1
	Xã Hà Hiệu	Đạt 2017		100	558	100	644	2839	11.02	100
Ngân Sơn	Xã Vân Tùng	74	85	100	717	100	871	3549	2,62	91.8
	Xã Thượng Quan	54,4	78	60	518	100	740	3293	8,6	100
	Làng Ngâm	70,92	85	85	586	100	626	2826	3,19	92
Chợ Mới	Xã Như Có	74,9	90	85	584	70	694	2852	13,1	94.8
	Xã Nông Hạ	70	80	100	858	100	1060	4050	10	23,58
	Xã Nông Thịnh	74	81	100	245	100	449	1830	35	81

Chợ Đồn	Xã Nam Cường	75	85	70	711	100	781	3404	9.4	91
	Xã Hữu Thác	78	85	75	274	100	373	1536	6.97	98
Na Ri	Xã Cư Lễ	73	85	100	415	100	550	2258	2.18	92.5
	Mỹ Thanh	79	87	70	369	100	538	2218	15	96
Bạch Thông	Dương Phong	78	87	100	353	100	494	1898	10	86.8
<b>Tổng cộng</b>					<b>8.212</b>	<b>15</b>	<b>10.468</b>	<b>43.975</b>	<b>11,35</b>	<b>89,48</b>

**BẢNG I-4: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐẦU NÓI CẤP NƯỚC (DLI 1.3)**

Hệ thống Số	Tên Công trình	Địa điểm <sup>1</sup>	Tình trạng <sup>2</sup>	Số đầu nối			Chất lượng nước		Nước thất thoát (%) <sup>5</sup>	Doanh thu tiền nước	Chi phí VH & B D	Mô hình Quản lý <sup>6</sup>	Biên bản tham vấn với người sử dụng nước <sup>7</sup>	Dành cho các CTCN do UBND xã quản lý		Dành cho tất cả các CTCN
				Theo kế hoạch	Thực tế đang hoạt động <sup>3</sup>	Đầu nối mới và cải tạo	Tất cả các chỉ số <sup>4</sup>	Arsen <sup>1</sup>						Quyết định thành lập Tổ VH&B D của UBND xã <sup>8</sup>	Chứng chỉ/ Cam kết của UBND xã về việc đào tạo cán bộ VH <sup>9</sup>	
1	Cấp nước sinh hoạt xã Lương Bằng, huyện Chợ Đồn	xã Lương Bằng, huyện Chợ Đồn	CM	416	416	416	Đạt được	Đạt được			UBND xã quản lý	Có	Có	Có	Tên các hoạt động IEC về nước sạch đã thực hiện ở địa bàn thi công công trình	Truyền thông qua sóng phát thanh, Lắp đặt áp phích tuyên truyền
2	Cấp nước sinh hoạt xã Nông Hạ, huyện Chợ Mới	xã Nông Hạ, huyện Chợ Mới	CM	469	469	469	Đạt được	Đạt được			UBND xã quản lý	Có	Có	Có	Truyền thông IEC tại xã, Truyền thông qua sóng phát thanh, Lắp đặt áp phích tuyên truyền	Truyền thông qua sóng phát thanh, Lắp đặt áp phích tuyên truyền
3	Cấp nước sinh hoạt xã Ngọc Phái, huyện Chợ Đồn	xã Ngọc Phái, huyện Chợ Đồn	CM	628	628	628	Đạt được	Đạt được			UBND xã quản lý	Có	Có	Có	Truyền thông qua sóng phát thanh, Lắp đặt áp phích tuyên truyền	Truyền thông qua sóng phát thanh, Lắp đặt áp phích tuyên truyền
4	Cấp nước sinh hoạt xã Thuận Mang, huyện Ngân Sơn	xã Thuận Mang, huyện Ngân Sơn	CM	471	471	471	Đạt được	Đạt được			UBND xã quản lý	Có	Có	Có	Truyền thông qua sóng phát thanh, Lắp đặt áp phích tuyên truyền	Truyền thông qua sóng phát thanh, Lắp đặt áp phích tuyên truyền
5	Cấp nước sinh hoạt xã Phúc Lộc, huyện Ba Bể	xã Phúc Lộc, huyện Ba Bể	CM	363	363	363	Đạt được	Đạt được			UBND xã quản lý	Có	Có	Có	Truyền thông qua sóng phát thanh, Lắp đặt áp phích tuyên truyền	Truyền thông qua sóng phát thanh, Lắp đặt áp phích tuyên truyền
6	Cấp nước sinh hoạt xã Đồng Phúc, huyện Ba Bể	xã Đồng Phúc, huyện Ba Bể	CM	718	718	718	Đạt được	Đạt được			UBND xã quản lý	Có	Có	Có	Truyền thông qua sóng phát thanh, Lắp đặt áp phích tuyên truyền	Truyền thông qua sóng phát thanh, Lắp đặt áp phích tuyên truyền
7	Cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Phương, huyện Ba Bể	xã Mỹ Phương, huyện Ba Bể	CM	1043	1043	1043	Đạt được	Đạt được			UBND xã quản lý	Có	Có	Có	Truyền thông IEC tại xã, Truyền thông qua sóng phát thanh, Lắp đặt áp phích tuyên truyền	Truyền thông qua sóng phát thanh, Lắp đặt áp phích tuyên truyền
8	Cấp nước sinh hoạt xã Vi Hương, huyện Bạch Thông	xã Vi Hương, huyện Bạch Thông	CM	246	246	246	Đạt được	Đạt được			UBND xã quản lý	Có	Có	Có	Truyền thông qua sóng phát thanh, Lắp đặt áp phích tuyên truyền	Truyền thông qua sóng phát thanh, Lắp đặt áp phích tuyên truyền

9	Cấp nước sinh hoạt xã Lục Bình, huyện Bạch Thông	xã Lục Bình, huyện Bạch Thông	CM	637	637	637	Đạt được	Đạt được											Truyền thông IEC tại xã, Truyền thông qua sóng phát thanh, Truyền thông qua sóng phát thanh, Lắp đặt áp phích tuyên truyền
10	Cấp nước sinh hoạt xã Kim Lư, huyện Na Rì	xã Kim Lư, huyện Na Rì	CM	518	518	518	Đạt được	Đạt được											Truyền thông qua sóng phát thanh, Lắp đặt áp phích tuyên truyền
11	Cấp nước sinh hoạt xã Cường Lợi, huyện Na Rì	xã Cường Lợi, huyện Na Rì	CM	532	532	532	Đạt được	Đạt được											Truyền thông qua sóng phát thanh, Lắp đặt áp phích tuyên truyền
12	Cấp nước sinh hoạt xã Yên Hân, huyện Chợ Mới	xã Yên Hân, huyện Chợ Mới	CM	405	405	405	Đạt được	Đạt được											Truyền thông qua sóng phát thanh, Lắp đặt áp phích tuyên truyền
13	Cấp nước sinh hoạt xã Văn Minh, huyện Na Rì	xã Văn Minh, huyện Na Rì	PL	185															Truyền thông qua sóng phát thanh
14	Cấp nước sinh hoạt xã Đông Viên, huyện Chợ Đồn	xã Đông Viên, huyện Chợ Đồn	PL	447															Truyền thông qua sóng phát thanh
15	Cấp nước sinh hoạt xã Quảng Chu, huyện Chợ Mới	xã Quảng Chu, huyện Chợ Mới	PL	418															Truyền thông qua sóng phát thanh
16	Cấp nước sinh hoạt xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới	xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới	PL	222															Truyền thông qua sóng phát thanh
17	Cấp nước sinh hoạt xã Thượng Giáo, huyện Ba Bể	xã Thượng Giáo, huyện Ba Bể	PL	408															Truyền thông qua sóng phát thanh
18	Cấp nước sinh hoạt xã Vũ Muộn, huyện Bạch Thông	xã Vũ Muộn, huyện Bạch Thông	PL	281															Truyền thông qua sóng phát thanh
19	Cấp nước sinh hoạt xã Tân Sơn huyện Chợ Mới	xã Tân Sơn huyện Chợ Mới	PL	231															Truyền thông qua sóng phát thanh
20	Cấp nước sinh hoạt Xã Mỹ Thanh, huyện Bạch Thông	Xã Mỹ Thanh, huyện Bạch Thông	PL	382															Truyền thông qua sóng phát thanh

21	Cấp nước sinh hoạt Xã Hoàng Trĩ huyện Ba Bể	Xã Hoàng Trĩ huyện Ba Bể	PL	338														Truyền thông qua sóng phát thanh
22	Cấp nước sinh hoạt Xã Phương Viên, huyện Chợ Đồn	Xã Phương Viên, huyện Chợ Đồn	PL	270														Truyền thông qua sóng phát thanh
23	Cấp nước sinh hoạt Xã Đồn Phong, huyện Bạch Thông	Xã Đồn Phong, huyện Bạch Thông	PL	461														Truyền thông qua sóng phát thanh
24	Cấp nước sinh hoạt Xã Lam Sơn huyện Na Rì	xã Lam Sơn huyện Na Rì	PL	197														Truyền thông qua sóng phát thanh
25	Cấp nước sinh hoạt Xã Dương Phong, huyện Bạch Thông	Xã Dương Phong, huyện Bạch Thông	PL	161														Truyền thông qua sóng phát thanh
26	Cấp nước sinh hoạt Xã Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn	Xã Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn	PL	162														Truyền thông qua sóng phát thanh
27	Cấp nước sinh hoạt Xã Vũ Loan, huyện Na Rì	Xã Vũ Loan, huyện Na Rì	PL	336														Truyền thông qua sóng phát thanh
	<b>TỔNG CỘNG</b>			10.945	6.446	6.446												

Do 12 công trình được hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng vào 31/12/2018 nên chưa tính được lượng nước thất thoát, Doanh thu tiền nước, và Chi phí VH&BD. Các hoạt động tham vấn với người sử dụng nước, Quyết định thành lập Tổ VH&BD của UBND xã, Chứng chủ Cam kết của UBND xã về việc đào tạo cho cán bộ vận hành sẽ được thực hiện trong quý I/2019 theo hướng dẫn trong POM.

Chi tiết:

1. Xã và huyện
2. Chuẩn bị đầu tư (PL)/ Đang thi công (UC) / Đưa vào hoạt động (CM) / Hoạt động (OP).
3. Hoạt động (cấp nước 24/7 và cho phép tỷ lệ ngưng trệ bình quân 10% hàng tháng)
4. Điện "Đạt được" hoặc "Không đạt được" so với Quy chuẩn QCVN 02: 2009/BYT của Bộ Y Tế hay bất kỳ chỉ số kế tục nào
5. Số giờ trong khoảng thời gian 24 giờ mà CTN cung cấp nước cho mạng lưới, tính trung bình trong 3 tháng cuối của giai đoạn báo cáo, tức là kết quả từ tháng 10 đến tháng 12 của năm được báo cáo



BẢNG I-5: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DUY TRÌ VỆ SINH CÔNG CỘNG BÊN VƯỜNG (DLI 2.2)				
Huyện	Xã	Năm đạt VSTX	% trường duy trì được tình trạng vệ sinh	% trạm y tế duy trì được tình trạng vệ sinh
<b>Tổng cộng</b>	0			

**BẢNG I-6: KẾ HOẠCH VÀ BÁO CÁO CHƯƠNG TRÌNH HÀNG NĂM ĐƯỢC CÔNG BỐ CÔNG KHAI (DLI 3.1)**

Kế hoạch				Chương trình			
Chương trình				Chương trình			
Được công bố công khai chưa ?	Số Kế hoạch, ngày ký kế hoạch	Ngày đăng lên website	Đường link	Được công bố công khai chưa ?	Số báo cáo, ngày ký kế hoạch	Ngày đăng lên website	Đường link
Rồi	Số 409/KH-UBND, ngày 31/10/2017	24/4/2018	<a href="https://sompint.backan.gov.vn/Pages/tin-chuyen-nganh-214/nuoc-sinh-hoat-vs-mtnt-238/ke-hoach-so-409kh-ubnd-ngay-31102017-ve--d5450b3419635f1e.aspx">https://sompint.backan.gov.vn/Pages/tin-chuyen-nganh-214/nuoc-sinh-hoat-vs-mtnt-238/ke-hoach-so-409kh-ubnd-ngay-31102017-ve--d5450b3419635f1e.aspx</a>	Rồi			<a href="https://sompint.backan.gov.vn/Pages/tin-chuyen-nganh-214/nuoc-sinh-hoat-vs-mtnt-238">https://sompint.backan.gov.vn/Pages/tin-chuyen-nganh-214/nuoc-sinh-hoat-vs-mtnt-238</a>

**BẢNG I-7: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HÀNG NĂM ĐÃ PHÊ DUYỆT ĐƯỢC THỰC HIỆN (DLI 3.2)**

**Các hoạt động Tăng cường năng lực (hoạt động cốt lõi) được thực hiện theo Kế hoạch Xây dựng Năng lực Hàng năm:**

Tên hoạt động	Mục tiêu	Kết quả
<p><b>NGÀNH NÔNG NGHIỆP (Trung tâm nước tỉnh)</b></p> <p>Hoạt động 1: Họp triển khai Chương trình Mở rộng Quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả tỉnh Bắc Kạn năm 2018.</p>	<p>Tổ chức 01 cuộc họp. Thành phần gồm: UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp &amp; PTNT, Sở y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở KH&amp;ĐT, Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh, Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, Trung tâm nước sạch và VSMTNT tỉnh...</p>	<p>Tổ chức 01 cuộc họp ngày 06/7/2018. Số đại biểu tham gia: 20 người.</p> <p>Số lượng đại biểu nữ 09 người, nam 11 người.</p> <p>Số lượng đại biểu là người Dân tộc thiểu số: 08 người.</p>
<p>Hoạt động 2: Tập huấn về POM đã được duyệt + Hướng dẫn thực hiện các vấn đề về Giới và Dân tộc thiểu số trong chương trình.</p>	<p>Tổ chức 01 lớp tập huấn tại tỉnh. Thành phần gồm: Cán bộ UBND xã của 14 xã triển khai VSTX năm 2018 và 07 xã có công trình chuẩn bị đầu tư xây dựng năm 2018.</p>	<p>Tổ chức 01 cuộc họp ngày 10/10/2018.</p> <p>Số học viên tham gia: 27 người.</p> <p>Số lượng học viên nữ 10 người, nam 17 người.</p> <p>Số lượng học viên là người Dân tộc thiểu số: 26 người.</p>

<p>Hoạt động 3: Tập huấn về Sổ tay hướng dẫn vận hành và quản lý các công trình cấp nước dựa vào cộng đồng và Tập huấn về Thông tin Giáo dục Truyền thông (TEC) cấp nước.</p>	<p>Tổ chức 01 lớp tập huấn tại tỉnh: Thành phần gồm đại diện tổ quản lý công trình của 9 xã gồm: xã Lương Bằng, Thuận Mang, Ngọc Phái, Yên Hân, Đông Phúc, Vi Hương, Kim Lư, Cường Lợi, Phúc Lộc.</p>	<p>Tổ chức 01 cuộc họp ngày 06/12/2018. Số học viên tham gia: 17 người. Số lượng học viên nữ 04 người, nam 13 người. Số lượng học viên là người Dân tộc thiểu số: 17 người</p>
<p><b>NGÀNH Y TẾ</b></p>		
<p><b>Cấp tỉnh</b></p>		
<p>Hội nghị triển khai Kế hoạch năm 2018, đánh giá năm 2017</p>	<p>01</p>	<p>01 hội nghị/34 đại biểu ngày 25/9/2018, nữ 9, nam 25, dân tộc 25</p>
<p>Tập huấn cho cán bộ tỉnh, huyện (TOT)</p>	<p>01</p>	<p>01 lớp/25 học viên, ngày 29-31/10/2018, nữ: 12, nam:13, dân tộc 24/25</p>
<p>Tập huấn cho cán bộ xã và TTV về vệ sinh</p>	<p>5</p>	<p>05 lớp tại Xã Nam Cường Chợ Đồn; xã Bành Trạch, huyện Ba Bể; Huyện Ngân Sơn; Huyện Na Rỳ; huyện Chợ Mới, gồm: 167 học viên, nữ 82, nam 85, dân tộc 155/167.</p>
<p>Tập huấn cho CTV vệ sinh tại các xã thực hiện Chương trình</p>	<p>5</p>	<p>05 lớp tại xã Nam Cường Chợ Đồn; xã Bành Trạch, huyện Ba Bể; Huyện Ngân Sơn; Huyện Na Rỳ; huyện Chợ Mới, gồm: 130 học viên, nữ 62, nam 68, dân tộc 114/130.</p>

<b>NGÀNH GIÁO DỤC</b>		
<p>Hoạt động 1: Tập huấn nâng cao năng lực truyền thông thay đổi hành vi về vệ sinh trường học (tập huấn TOT)</p>	<p>Tổ chức 01 lớp tập huấn TOT</p>	<p>Tổ chức: 01 lớp tập huấn từ ngày 27 đến ngày 28/10/2018;            Tổng số 77 đại biểu tham dự;            Số lượng học viên nữ: 47; nam: 30; dân tộc thiểu số 70/77.            Thành phần gồm: Sở GD&amp;ĐT: 04, Phòng GD&amp;ĐT: 5 (01 đại biểu/huyện), TTYT: 05 (01 đại biểu/huyện); trường Mầm non: 16 đại biểu/08 trường (01 lãnh đạo trường, 01 giáo viên cốt cán), trường Tiểu học: 24 đại biểu/8 trường (01 lãnh đạo, 01GV tổng phụ trách Đội, 01 NV y tế), trường THCS: 18 đại biểu/6 trường (01 lãnh đạo, 01GV tổng phụ trách Đội, 01 NV y tế).</p>
<p>Hoạt động 2: Tập huấn nâng cao năng lực cho giáo viên các trường về truyền thông thay đổi hành vi về sinh trường học (tập huấn cấp trường)</p>	<p>Tổ chức 22 lớp</p>	<p>Tổ chức: 22 lớp tập huấn tại 22 trường thuộc xã đăng ký “vệ sinh toàn xã” từ ngày 21/11 đến ngày 01/12/2018; Tổng số 500 đại biểu tham dự (bao gồm BTC, BCV và toàn thể CB, giáo viên, nhân viên của 22 trường học).            Số lượng học viên là nữ: 300; nam: 200; dân tộc thiểu số 480/500.</p>

## II. KHUNG KẾT QUẢ

Chỉ số PDO và kết quả trung gian trong PAD

**Bảng II-1: Quá trình thực hiện và khung kết quả:**

Chỉ số kết quả	Lỗi	DLI	Đơn vị tính	Khảo sát ban đầu	Năm 2018							
					Mục tiêu	Tự đánh giá kết quả đạt được						
<i>Mục tiêu phát triển của Chương trình (PDO): Cải thiện hành vi vệ sinh, tăng cường và duy trì tiếp cận vệ sinh và nước sạch ở các vùng nông thôn tại các Tỉnh tham gia Chương trình</i>												
Chỉ số PDO 1: Người thụ hưởng Trục tiếp của Chương trình (phân tích theo % nữ, % hộ gia đình có chủ hộ là nữ và % hộ DTTS)	X		Số	0	Từ xã VSTX theo KH	Từ đầu nguồn theo KH	Từ xã đạt được VSTX	Từ đầu nguồn đạt được	Tổng số kết quả đạt được			
					43.975	25.534	16.424	25.534	41.956			
					45%	45%	44%	45%	45%			
					10.468	6381	4.068	6381	10.449			
					11,35	8,7	56	8,7	27,1			
Chỉ số PDO 2: Hộ gia đình được tiếp cận với dịch vụ cấp nước bền vững (Phân tích theo giới: % hộ gia đình có chủ hộ là nữ)	X		%	89,48	82	91	82	85,5				
									Tổng số Hộ	Số lượng	0	0
Chỉ số PDO 3: Số xã đạt Vệ sinh toàn xã	X		Số lượng	0	15	6						

Chỉ số PDO 4: Số xã đạt VSTX bền vững (trường học và trạm y tế duy trì được tình trạng hợp vệ sinh)				X	Số lượng	No	0	0
Chỉ số PDO 5: Phương pháp tiếp cận mới cho các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi và chuỗi cung ứng được đưa vào chương trình kế thừa của NTP3					Có/ Không	No		
<b>Lĩnh vực Kết quả Trung gian 1: Các hành vi vệ sinh chính thay đổi trong dân chúng và tăng cường tiếp cận đến các dịch vụ cơ bản</b>								
Chỉ số Kết quả Trung gian 1: Xây dựng và thực hiện các kế hoạch truyền thông thay đổi hành vi (BCC); ở cấp tỉnh, huyện và xã				X	Tỉnh	1	1	1
Chỉ số Kết quả Trung gian 2: Trường học đạt được thông qua các chiến dịch BCC mục tiêu					Số lượng	22	22	22
Chỉ số Kết quả Trung gian 3: Trạm y tế với các chương trình chăm sóc tiên sản được đưa vào trong BCC					Số lượng (tích lũy- hoạt động lặp đi lặp lại mỗi năm)	15	15	15

Chỉ số Kết quả Trung gian 4: Chương trình truyền thông (BCC) cấp quốc gia được triển khai				Có/ không	Không		
Chỉ số Kết quả Trung gian 5: Tỷ lệ rửa tay xà phòng sau khi đi vệ sinh được tăng lên trong đối tượng mục tiêu, so sánh với những xã không có can thiệp của chương trình				%	0	10	10
<b>Lĩnh vực Kết quả Trung gian 2: Cơ sở hạ tầng nước và vệ sinh đầy đủ và trong tình trạng hoạt động</b>							
Chỉ số kết quả Trung gian 6: Đầu nối cấp nước hộ gia đình được cải tạo và xây mới đang hoạt động (FWSC) (chia theo giới)	Tổng số hộ đầu nối	X	X	Số lượng	0	6381	6381
					0	8,7	8,7
Chỉ số Kết quả Trung gian 7: Trường học và trạm y tế có các công trình cấp nước và vệ sinh mới và được cải tạo	Tổng số Trường học			Số lượng	0	15	15
					5	5	5
Trạm y tế					.10		10
<b>Lĩnh vực Kết quả Trung gian 3: Năng lực thực hiện chương trình được cải thiện</b>							
Chỉ số Kết quả Trung gian 8: Các Kế hoạch và Báo cáo Chương trình hàng năm được công bố			X	Số lượng	02	02	02

Chỉ số Kết quả Trung gian 9: Các báo cáo về phản hồi của người thụ hưởng đã nhận được và phản hồi đã được sử dụng				Số tính có báo cáo phản hồi của người thụ hưởng được lập sử dụng			Không có phản hồi của người thụ hưởng
Chỉ số Kết quả Trung gian 10: Kế hoạch Phát triển Năng lực hàng năm đã phê duyệt của các Tỉnh được thực hiện			X	Số tỉnh đã thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt	01	01	01
Chỉ số Kết quả Trung gian 11: Các hệ thống sẵn sàng và được sử dụng để giám sát và hỗ trợ sự bền vững của điện vệ sinh toàn xã				Số xã có các hệ thống được lắp đặt sẵn để theo dõi tình hình vũng	0	0	0

*Ghi chú:* Chỉ số PDO 1 được tính cho cả xã VSTX và đầu nói nước mới



### III. TUÂN THỦ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH TRONG NĂM BÁO CÁO

#### BẢNG III-1: TÓM TẮT TUÂN THỦ KHHD TỈNH

<b>Hành động 1</b>	
Cơ sở dữ liệu về khiếu nại và phân hồi khiếu nại của người hưởng lợi đã được lập và duy trì	Có
Báo cáo hàng năm gửi cho Bộ NN-PTNT	Có
<b>Hành động2</b>	
(a) Tất cả các đề xuất đã được xem xét	Có
(b) DNNN Phụ thuộc bị loại	Không
(c) Không có công ty bị cấm	Không
<b>Hành động3</b>	
Kế hoạch và ngân sách hàng năm đã được phê duyệt ở cấp tỉnh	Rời
Phân bổ ngân sách được thực hiện cho Chương trình và thời gian phân bổ ngân sách được thực hiện	Rời
Phân bổ cho vệ sinh và truyền thông được thực hiện theo hướng dẫn liên bộ tương ứng	Rời
<b>Hành động4</b>	
Xây dựng hướng dẫn để bảo đảm sự tham gia có hiệu quả và đảm bảo tham vấn với người dân địa phương, bao gồm cả các DTTS và các nhóm dễ bị tổn thương, trong đó cụ thể hóa các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam liên quan đến người DTTS thông qua quá trình tham vấn trước cõi mở và được cung cấp đủ thông tin	Có
<b>Hành động5</b>	
Triển khai hợp phần BCC của Chương trình theo Sổ tay Thực hiện Chương trình.	Có

**BẢNG III-2: MÔ TẢ TUẦN THỦ VỚI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH**

<b>Hành động</b>		<b>Tuần thủ với Hành động</b>			
<p>1. Các tỉnh tham gia Chương trình sẽ tăng cường tính minh bạch thông qua việc lưu trữ các khiếu nại của người dân về tham vấn cộng đồng/tham nhũng/quản lý tài chính/đấu thầu/Thực hiện Chương trình trong một cơ sở dữ liệu và giải quyết các khiếu nại này. Thông tin sẽ được Bộ NN&amp;PTNT tổng hợp ở cấp Quốc gia và định kỳ báo cáo cho Ngân hàng Thế giới.</p>	Tham vấn cộng đồng: 0	Tham nhũng: 0	QLTC và Đấu thầu: 0	Đấu thầu: 0	Thực hiện chương trình: 0
	Số đơn khiếu nại được trả lời:				
<p>2. Cải thiện Phương thức đấu thầu thông qua việc đảm bảo:</p> <p>(a) Mọi hồ sơ dự thầu thiết kế chi tiết và giám sát thi công, cũng như hồ sơ dự thầu xây dựng công trình có giá thấp hơn hoặc cao hơn mức giá ước tính của gói thầu đều được đánh giá; (b) Các Doanh nghiệp nhà nước phụ thuộc (của Tỉnh thực hiện đấu thầu hoặc Bộ NN&amp;PTNT) sẽ không được tham gia dự thầu; và (c) Các công ty trong danh sách cấm của địa phương, quốc gia, hoặc Ngân hàng Thế giới không được tham gia dự thầu.</p>	Tham vấn cộng đồng: 0	Tham nhũng: 0	QLTC và Đấu thầu: 0	Đấu thầu: 0	Thực hiện chương trình: 0
	Số đề xuất và dự thầu nhận được cho gói thầu:  6				
Số đề xuất và dự thầu được đánh giá:					
Kiểm tra thông tin trên mạng đấu thầu Quốc gia và Ngân hàng Thế giới					
Tiền độ chuẩn bị kế hoạch, ngân sách hàng năm cho Chương trình:					
Kế hoạch số 409/KH-UBND ngày 31/10/2017 của UBND tỉnh Bắc Kạn về thực hiện Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa					

<p>(a) Kế hoạch và ngân sách hàng năm được phê duyệt ở tỉnh;</p> <p>(b) Phân bổ ngân sách thực hiện cho Chương trình và thời gian phân bổ ngân sách được thực hiện; và</p> <p>(c) Phân bổ cho vệ sinh và truyền thông được thực hiện theo hướng dẫn liên bộ tương ứng.</p>	<p>trên kết quả năm 2018 tỉnh Bắc Kạn</p> <p>Tiến độ phân bổ ngân sách thực hiện cho Chương trình:          Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 15/01/2018 về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách trung ương năm 2018.          Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả năm 2018.          Quyết định Số 894/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả năm 2018.          Quyết định số 1308/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả năm 2018. (vốn đối ứng của tỉnh)          Tiền mặt được chuyển về tài khoản chính của Chương trình ngày 13/12/2018.</p>
<p>4. Xây dựng hướng dẫn để bảo đảm sự tham gia có hiệu quả và đảm bảo tham vấn với người dân địa phương, bao gồm cả các DTTS và các nhóm dễ bị tổn thương, trong đó cụ thể hóa các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam liên quan đến người DTTS thông qua quá trình tham vấn trước cởi mở và được cung cấp đủ thông tin</p>	<p>Tiến độ phân bổ cho vệ sinh và truyền thông:          Phân bổ ngân sách cho vệ sinh và truyền thông đảm bảo tiến độ</p> <p>Tình trạng xây dựng và thực hiện hướng dẫn làm việc với Dân tộc thiểu số:          Áp dụng sổ tay hướng dẫn thực hiện sự tham gia của người dân tộc thiểu số và hướng dẫn lồng ghép giới vào các hoạt động của Chương trình.          Thực hiện các cuộc tham vấn với DTTS trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình trong các buổi họp cộng đồng.</p>

	Số tham vấn đã thực hiện với Dân tộc Thiểu số:	12
5. Triển khai cấu phần BCC của Chương trình theo Sổ tay Thực hiện Chương trình.	Tóm tắt Tình trạng xây dựng và thực hiện cấu phần BCC: BCC được xây dựng và thực hiện theo Sổ tay thực hiện Chương trình	
	Số các hoạt động được thực hiện theo kế hoạch BCC:	22

**IV. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH.**

	<b>Ngày nộp/ thực hiện</b>		
(a) Báo cáo tài chính:	Quý I/2019		
<b>(b) Ngân sách hàng năm</b>			
	<b>Vốn đối ứng</b>	<b>Vốn vay lại</b>	<b>Vốn WB</b>
<b>Vốn sự nghiệp:</b>	31/5/2018		
Dề xuất	700	0	4.360
Phân bổ	0	0	1.610
Giải ngân	0	0	
<b>Vốn đầu tư:</b>	<b>31/7/2018/</b>	<b>20/4/2018</b>	<b>20/4/2018</b>
Dề xuất		8.800	103.600
Phân bổ	500	3.125	32.000
Giải ngân	500		
(c) Đối chiếu	Ngày/ tháng/ năm	Ngày/ tháng/ năm	Ngày/ tháng/ năm
(d) Báo cáo kiểm toán	Ngày/ tháng/ năm	Ngày/ tháng/ năm	Ngày/ tháng/ năm

## V. CÁC KHÍA CẠNH XÃ HỘI

Bảng V-1: Tái định cư

Phạm vi ảnh hưởng của các công trình nước đến ngày...tháng .....năm.....(theo kỳ báo cáo)																		
STT	Tên công trình	Số hộ BAH vĩnh viễn						Diện tích đất bị thu hồi vĩnh viễn (m <sup>2</sup> )					Tổng diện tích hiện đất (m <sup>2</sup> )					
		Số hộ BAH nặng			Số hộ bị mất dưới 30% đất SX	Số hộ kinh doanh BAH	Số hộ DTTS BAH	Số hộ dễ bị tổn thương	Tổng cộng	Đất ở	Đất lúa	Đất rừng		Đất khác	Tổng cộng			
		Tổng số	Số hộ bị mất từ 30% đất sản xuất trở lên	Số hộ bị mất 30% phải tái định cư														
1	Công trình 1																	
2	Công trình 2																	
3	Công trình 3																	
4	....																	
	<b>Tổng</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Tình trạng chi trả bồi thường và GPMB										
STT	Tên công trình	Tổng tiền bồi thường và hỗ trợ	Tổng tiền đã trả ('000 VND)		Tình trạng chi trả		Tình trạng bàn giao đất			
			Đã trả đến ngày báo cáo	Tổng tiền còn phải trả	Số hộ đã nhận tiền	Số hộ chưa nhận tiền	Số hộ đã giao đất	Số hộ chưa giao đất	Số hộ hiện đất	
1	Công trình 1									
	<b>Tổng</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-

**Bảng V-2: Dòng lao động**

**Các tác động xã hội bất lợi do lao động của nhà thầu gây ra**

STT	Các tác động xã hội	Có	Không	Các biện pháp giải quyết	Tình trạng giải quyết
1	Xung đột về tôn giáo, văn hóa và dân tộc		X		
2	Tăng tội phạm và cách ứng xử bị cấm (trộm cắp, đánh nhau, lạm dụng vật chất, mại dâm, buôn bán người)		X		
3	Tăng gánh nặng và cạnh tranh về cung cấp dịch vụ xã hội (ví dụ nước, điện, dịch vụ y tế, giao thông, giáo dục...)		X		
4	Tăng các bệnh truyền nhiễm và gánh nặng lên dịch vụ y tế của địa phương		X		
5	Bạo lực về giới (lạm dụng tình dục đối với phụ nữ và trẻ em nữ, quan hệ bóc lột tình dục, quan hệ tình dục vị thành niên)		X		
6	Lao động trẻ em và bỏ học để đi lao động		X		
7	Tăng tác nghẽn và tai nạn giao thông		X		

Giám sát dòng lao động của các nhà thầu			
STT	Tên công trình	Số lượng công nhân của mỗi công trình	
		< 50 công nhân	=> 50-100 >100
1	Cấp nước sinh hoạt xã Lương Bằng, huyện Chợ Đồn	x	
2	Cấp nước sinh hoạt xã Nông Hạ, huyện Chợ Mới	x	
3	Cấp nước sinh hoạt xã Ngọc Phái, huyện Chợ Đồn	x	
4	Cấp nước sinh hoạt xã Thuần Mang, huyện Ngân Sơn	x	
5	Cấp nước sinh hoạt xã Phúc Lộc, huyện Ba Bè	x	
6	Cấp nước sinh hoạt xã Đồng Phúc, huyện Ba Bè	x	
7	Cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Phương, huyện Ba Bè	x	
8	Cấp nước sinh hoạt xã Vi Hương, huyện Bạch Thông	x	
9	Cấp nước sinh hoạt xã Lục Bình, huyện Bạch Thông	x	
10	Cấp nước sinh hoạt xã Kim Lư, huyện Na Rì	x	
11	Cấp nước sinh hoạt xã Cường Lợi, huyện Na Rì	x	
12	Cấp nước sinh hoạt xã Yên Hân, huyện Chợ Mới	x	
	<b>Tổng</b>	-	-



**Bảng V-3: Giới và Dân tộc thiểu số:**

#	Kết quả mong đợi	Chỉ số	Ngành nước	Ngành y tế	Ngành giáo dục	Tổng
1	Số người được đào tạo	64	297	577	938	
2	Số người tham gia là nữ	23	142	347	512	
	% người tham gia là nữ	36%	47	60,14	54,6	
	Số người tham gia là DTTS	51	213	550	814	
	% người tham gia là DTTS	80%	71	95,32	86,8	
3	# phụ nữ là giảng viên, tuyên truyền viên	01	144	47	192	

Cấp nước tập trung	Số hộ đầu nói	Số hộ có nữ làm chủ hộ	Số hộ là DTTS	Số người tham gia	Số người tham gia là nữ	Cấp nước sinh hoạt xã	Cấp nước sinh hoạt xã	Cấp nước sinh hoạt xã	Cấp nước sinh hoạt xã	Cấp nước sinh hoạt xã	Cấp nước sinh hoạt xã	Cấp nước sinh hoạt xã	Cấp nước sinh hoạt xã	Cấp nước sinh hoạt xã	Cấp nước sinh hoạt xã	Cấp nước sinh hoạt xã	Cấp nước sinh hoạt xã	Cấp nước sinh hoạt xã	Cấp nước sinh hoạt xã	Cấp nước sinh hoạt xã	Tổng
						Lương Bằng, huyện Chợ Đồn	Hoạt xã Nông Hạ, huyện Chợ Mới	Ngọc Phái, huyện Chợ Đồn	Thuan Mang, huyện Ngân Sơn	Phúc Lộc, huyện Ba Bè	Đông Phúc, huyện Ba Bè	Mỹ Phương, huyện Ba Bè	Việt Hương, huyện Bạch Thông	Lục Bình, huyện Bạch Thông	Kim Lư, huyện Na Rì	Cấp nước sinh hoạt xã Lợi, huyện Na Rì	Yên Hân, huyện Chợ Mới	Tổng			
1	Thông tin về công trình	410	468	628	471	340	712	1043	246	627	501	532	403	6381							
		40	95	39	35	32	56	52	20	113	34	46	32	554							
		360	375	520	402	326	627	988	210	510	427	455	394	5234							
		322	458	486	352	295	587	658	244	546	306	438	300	4670							
2	Tham vấn với cộng đồng về thiết kế,	116	95	78	113	32	59	55	39	109	34	48	32	717							

giá nước và đóng góp của hộ dân	% người tham gia là nữ	36	20.74	16	32	10.85	10	12	16	20	11.11	11	10.67	15.4
	Số người tham gia là DTTS	290	366	462	334	265	581	658	232	410	244	399	294	4244
	% người tham gia là DTTS	90	79.91	95	95	89.83	99	100	95	75	79.74	91	98	90.9
3	Tham vấn cộng đồng về vận hành bảo dưỡng công trình, và các tác động, đền bù nếu có													
	Số người tham gia													
	Số người tham gia là nữ													
	% người tham gia là nữ													
	Số người tham gia là DTTS													
	% người tham gia là DTTS													
4	Trao quyền cho phụ nữ													
	# Tổng số người trong tổ vận hành													
	# nữ tham gia vào tổ vận hành													
	% nữ tham gia vào tổ vận hành													
	<b>TỔNG CỘNG</b>													

*Do 12 công trình được hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng vào 31/12/2018 nên hoạt động tham vấn cộng đồng về vận hành bảo dưỡng công trình, Quyết định thành lập Tổ VH&BD sẽ được thực hiện trong quý I/2019 theo hướng dẫn trong POM.*

**Ghi chú:**

- Theo hướng dẫn về VH&BD, cần có ít nhất 2 cuộc tham vấn cho mỗi công trình, có thể kết hợp nhiều nội dung vào một cuộc tham vấn
- #4 (Trao quyền cho phụ nữ): chỉ diễn cho những công trình do cộng đồng quản lý

## VI. MÔI TRƯỜNG

- (a) Số lượng cán bộ được bổ nhiệm của PCERWASS chịu trách nhiệm về các khía cạnh môi trường của chương trình: 01  
 (b) Số lượng cán bộ được bổ nhiệm của Sở Y tế chịu trách nhiệm về các khía cạnh môi trường của chương trình:  
 (c) Báo cáo tiêu dự án (sử dụng bảng dưới đây)

Từ 01/2018 đến 12/2018		Số tiêu dự án 27						
Số lượng công trình cấp nước sử dụng nước mặt	27	27	27	Yêu cầu: 0 Nộp: 0 Cấp: 0	Yêu cầu: 0 Nộp: 0 Cấp: 0	12	12	
								Nghiên cứu khả thi/thiết kế đã hoàn thành
Số lượng công trình cấp nước và vệ sinh nông thôn sử dụng nước ngầm				Yêu cầu: .... Nộp: ... Cấp: ...	Yêu cầu: .... Nộp: ... Cấp: ...			
								Số lượng công trình cấp nước và vệ sinh nông thôn sử dụng nước mặt
Số lượng công trình cấp nước và vệ sinh sử dụng nước ngầm				Yêu cầu: .... Nộp: ... Cấp: ...	Yêu cầu: .... Nộp: ... Cấp: ...			
								Số lượng công trình cấp nước và vệ sinh nông thôn sử dụng nước mặt
Số lượng đào tạo về môi trường được		Không						

tiến hành trong giai đoạn báo cáo	
Thuyết minh về loại hình và phạm vi tác động môi trường đã được thảo luận trong ĐTM/KHBVMT	Có trong KHBVMT của từng công trình . Bảo vệ môi trường xung quanh bao gồm: các biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý chất thải và làm sạch hành lang, thực hiện các biện pháp bảo vệ để đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường
Nhận xét về việc đưa các biện pháp giảm nhẹ tác động vào thiết kế kỹ thuật, ví dụ như chọn địa điểm, xử lý bùn cặn, v.v) và hồ sơ mời thầu và hợp đồng.	Đưa yêu cầu các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường vào thiết kế kỹ thuật, hồ sơ mời thầu và hợp đồng.
Nhận xét về các khía cạnh môi trường trong quá trình xây dựng: tác động, các biện pháp giảm nhẹ tác động do Nhà thầu thực hiện	Thực hiện theo đúng yêu cầu
Các nhận xét khác về thông điệp môi trường trong các chiến dịch truyền thông	Không có nhận xét
Lượng nước ngầm và nước mặt được khai thác trong Chương trình	1.924 m <sup>3</sup> /ngày đêm
Số khiếu nại về môi trường nhận được, mô tả quy trình thủ tục giải quyết khiếu nại và hồ sơ xử lý khiếu nại về vấn đề môi trường.	Không có
Các nhận xét khác	Không có

Chức danh: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Kạn

Họ tên: Đỗ Thị Minh Hoa

Chữ ký:



Ngày 28 tháng 12 năm 2018

